TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-PT
Ngày: 12-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Tuấn

Bà Võ Thị Trầm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:*** Bà Trần Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc đòi tài sản

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 28/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2022, Thông báo dời ngày xét xử số 84/TA-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Công T, sinh năm: 1980; nơi cư trú: phường P, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Công T: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1985; nơi cư trú: phường P, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; theo Giấy ủy quyền lập ngày 30/3/2021 được Văn phòng Công chứng A chứng thực số 2499, quyển số: 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày. Bà T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Huyền T, sinh năm: 1983 và ông Nguyễn Hưng V, sinh năm: 1983; cùng nơi cư trú: phường L, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Bà T có mặt, ông V vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị Huyền T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/8/2020, vợ chồng bà Lê Thị Huyền T và ông Nguyễn Hưng V vay của ông Nguyễn Công Trọng 150.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất; hai bên có viết giấy vay tiền; bà Lê Thị Huyền T và ông Nguyễn Hưng V cam kết trong thời hạn 15 ngày sẽ trả số tiền trên. Tuy nhiên, sau khi vay tiền, vợ chồng bà Lê Thị Huyền T không thực hiện việc trả nợ đúng theo cam kết dù ông Trần Công T đã nhiều lần yêu cầu trả nợ. Do đó, ông Trần Công T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Lê Thị Huyền T, ông Nguyễn Hưng V phải trả một lần toàn bộ số tiền đã vay là 150.000.000đ, không yêu cầu trả tiền lãi.

Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập được lời khai của bà Lê Thị Huyền T và ông Nguyễn Hưng V.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2021/DS-ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa đã áp dụng khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Công Trọng.

1. Buộc ông Nguyễn Hưng V và bà Lê Thị Huyền T phải trả cho ông Nguyễn Công Trọng 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hưng V, bà Lê Thị Huyền T phải nộp 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 27/7/2022, bị đơn bà Lê Thị Huyền T có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố R xét xử lại với lý do: (1) Ngày 05/7/2021, bà được Tổ trưởng tổ dân phố C đưa cho Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố R xét xử ngày 09/7/2021 nhưng do bận việc bà không tham gia phiên tòa được. Sau đó, ngày 22/7/2021, khi bà được giao Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2021/DS-ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố R thì bà mới biết vụ án đã xét xử xong trong khi bà không nhận được bất kỳ văn bản nào của Tòa án nhân dân thành phố R về việc mở lại phiên tòa; (2) Chồng bà là ông Nguyễn Hưng V không biết việc vay tiền giữa bà và ông Trần Công T, bà cũng không dùng số tiền vay này để mua sắm, chi tiêu trong gia đình nhưng bản án lại buộc bà và ông Nguyễn Hưng V trả nợ là không đúng.

Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt nhưng tại Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn bà Lê Thị Huyền T giữ nguyên kháng cáo. Bị đơn ông Nguyễn Hưng V thống nhất với kháng cáo của bà Lê Thị Huyền T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2021/QĐST-DS ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố R đã được tống đạt thông qua người thứ ba là ông V - tổ trưởng tổ dân phố C, phường L, thành phố R là nơi các bị đơn sinh sống do các bị đơn vắng mặt tại nhà. Ông V đã xác nhận việc thực hiện giao Quyết định trên của Tòa án cho bà Lê Thị Huyền T và ông Nguyễn Hưng V theo Biên bản sự việc ngày 13/7/2021. Vì vậy, kháng cáo của bà Lê Thị Huyền T về việc không nhận được Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2021/QĐST-DS ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố R là không đúng.

Giấy vay tiền đề ngày 13/8/2020 thể hiện chỉ có bà Lê Thị Huyền T vay của ông Trần Công T 150.000.000đ, ông Nguyễn Hưng V không tham gia, bà Lê Thị Huyền T không dùng số tiền này để chi tiêu cho gia đình nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc cả ông Nguyễn Hưng V phải trả nợ là không đúng.

Vì vậy, đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Lê Thị Huyền T phải trả 150.000.000đ cho ông Trần Công T; về án phí, đề nghị giải quyết theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Theo Biên bản tống đạt qua người thứ ba đề ngày 09/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2021/QĐST-DS ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố R đã được tống đạt thông qua người thứ ba là ông V - tổ trưởng tổ dân phố C, phường L, thành phố R là nơi các bị đơn sinh sống do việc tống đạt trực tiếp không thực hiện được vì các bị đơn vắng mặt tại nhà; ông V cam kết giao tận tay Quyết định trên cho bà Lê Thị Huyền T và ông Nguyễn Hưng V. Theo Biên bản sự việc đề ngày 13/7/2021, ông V - tổ trưởng tổ dân phố C, phường L, thành phố R xác nhận đã giao Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2021/QĐST-DS ngày 09/7/2021 trên cho bà Lê Thị Huyền T và ông Nguyễn Hưng V. Như vậy, bà Lê Thị Huyền T kháng cáo cho rằng Tòa án không thông báo cho bà biết việc mở lại phiên tòa là không đúng.

[3] Giấy vay tiền đề ngày 13/8/2020 thể hiện bà Lê Thị Huyền T vay của ông Trần Công T 150.000.000đ, hẹn 15 ngày sẽ trả toàn bộ tiền vay, ngoài ra, không có nội dung nào khác. Ông Trần Công T khởi kiện yêu cầu cả chồng bà Lê Thị Huyền T là ông Nguyễn Hưng V phải cùng bà T trả số nợ trên nhưng không

đưa ra được chứng cứ chứng minh việc bà Lê Thị Huyền T đã dùng số tiền này để chi tiêu nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo qui định tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 trong khi bà Lê Thị Huyền T và ông Nguyễn Hưng V không thừa nhận việc đã sử dụng số tiền này để chi tiêu cho gia đình. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Hưng V phải cùng bà Lê Thị Huyền T trả nợ là không đúng. Kháng cáo của bà Lê Thị Huyền T về nội dung này có căn cứ; Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chỉ buộc bà Lê Thị Huyền T thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[4] Án phí: Bà Lê Thị Huyền T phải chịu 7.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Công Trọng. Buộc bà Lê Thị Huyền T phải trả cho ông Nguyễn Công Trọng 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) nợ vay.

2. Về án phí:

2.1. Bà Lê Thị Huyền T phải chịu 7.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí bà Lê Thị Huyền T phải chịu được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí mà bà Lê Thị Huyền T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006596 ngày 19/10/2021; như vậy, bà Lê Thị Huyền T chỉ còn phải nộp 7.200.000đ án phí.

2.2. Trả lại cho ông Trần Công T 3.750.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006373.

Qui định chung:

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thành phố R;
- Chi cục THADS thành phố R;
- Lưu: VP, Tòa DS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền